TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST.
Ngày: 17-01-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc;

Ông Đoàn Trung Tuyến.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh NamĐịnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án thụ lý số:54/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (P); địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H; chức vụ: Chuyên viên Phòng quản lý khách hàng cá nhân KV Miền Bắc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản - P1.

Bị đơn: Ông Tô Văn Đ, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978; đều có địa chỉ: Xóm S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt ông H, vắng mặt ông Đ, bà H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-08-2023 và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc H là người đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng thương

mại cổ phần Đ1 (P) trình bày:

Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (P) với ông Tô Văn Đ và bà Nguyễn Thị H1 đã ký 2 hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 118/2015/CN/HĐTD/PVB-CNNĐ ngày 15-4-2015 (gọi là hợp đồng tín dụng 1) và hợp đồng hạn mức cho vay số 182/2015 CN/HĐTD/PVB-CNNĐ ngày 29-6-2015 (gọi là hợp đồng tín dụng 2). Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liên với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BV616501; sổ và số cấp giấy chứng nhận: CH00480/ 2245 QĐ – UBND, do UBND huyện G, tỉnh Nam Định cấp ngày 07-4-2015 cho ông Tô Văn Đ và bà Nguyễn Thị H1

Hợp đồng tín dụng 1: số tiền là 513.000.000đồng, Ngân hàng đã giải ngân 513.000.000 đồng vào ngày 16-4-2015. Thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 0,99%/năm trong 3 tháng đầu tiên, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất sau 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/1 lần. Lãi suất tại kỳ điều chỉnh: Lãi suất cho vay các kỳ điểu chỉnh tiếp theo (tháng thứ 4 đến tháng thứ 27) =LS13+1.75% năm nhưng không thấp hơn 8,6%/năm lãi suất cho vay các kỳ điều chỉnh tiếp theo (tháng thứ 28 đến hết thời gian khoản vay) = LS13 + 4,3% năm (trong đó LS 13 là lãi suất tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền gửi bằng VNĐ, kỳ 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng C từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với dự nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Phương thức trả nợ gốc và lãi là ngày 25 hàng tháng. Thời điểm vi phạm 25-7-2016. Bên vay đã trả nợ cho Ngân H2 số tiền gốc 512.999.999đồng, lãi 270.914.319đồng.

Hợp đồng tín dụng 2: số tiền là 500.000.000đồng, giải ngân 513.000.000 ngày 30-12-2015, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 9,8%/năm kể từ ngày giải ngân, kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần vào mỗi đầu quý, lãi suất tại kỳ điều chỉnh LS12+35% năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của P công bố từng thời kỳ, trong đó LS 12 là lãi suất tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân có loại tiền bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng theo biểu lãi suất huy động của P công bố từng thời kỳ. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với dự nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Phương thức trả nợ gốc vào ngày 30-6-2016 hoặc trả nợ trước hạn khi có nguồn thu, kỳ trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng. Thời điểm vi phạm 01-7-2016. Bên vay đã thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng như sau: Nợ gốc 500.000.000đồng, lãi 511.228.670 đồng.

Tài sản bảo đảm cho 2 hợp đồng trên là quyền sử dụng đất và quyền sử hữu nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV616501 do UBND huyện G cấp ngày 07-4-2015 mang tên

ông Tô Văn Đ bà Nguyễn Thị H1.

Sau khi vay, bên nay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu bên vay vợ khắc phục trả nợ quá hạn nhưng ông Đ, bà H1 không trả được. Ngân hàng đã phát mãi tài sản bảo đảm ngày 13-6-2022 với giá 1.760.678.000đồng, số tiền này đã chi phí bán đấu giá 81.884.000đồng, chi phí thẩm định tài sản 7.150.000đồng, số tiền còn lại 1.671.644.000đồng thu nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã G cung cấp: Hiện tại ông Tô Văn Đ và bà Nguyễn Thị H1 đã ly hôn và đều không có mặt tại địa phương ông Đ bà H1 đi làm ở đâu địa phương không nắm được. Khi ông Đ bà H1 không trả được nợ. Ngân hàng đã phát mãi tài sản thế chấp là nhà ở và đất để tất toán khoản vay Ngân hàng. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1: Buộc ông Tô Văn Đ và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền nợ gốc và lãi là 317.870.973 đồng. Về án phí: Ông Đ bà H1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Tô Văn Đ bà Nguyễn Thị H1 đã được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (P) với ông Tô Văn Đ bà Nguyễn Thị H1 đã ký 2 hợp đồng tín dụng số 118/2015-CN/HĐTD/PVB-CNNA ngày 15-4-2015 (gọi là hợp đồng tín dụng 1) và hợp đồng hạn mức cho vay số 182/2015 CN/HĐTD/PVB-CNNĐ ngày 29-6-2015 (gọi là hợp đồng tín dụng 2).

Hợp đồng tín dụng 1: số tiền là 513.000.000đồng, Ngân hàng đã giải ngân 513.000.000 đồng vào ngày 16-4-2015. Thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 0,99%/năm trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/ 1 lần. Lãi suất tại kỳ điều chỉnh: Lãi suất cho vay các kỳ điều chỉnh tiếp theo (tháng thứ 4 đến tháng thứ 27) =LS13+1.75% năm nhưng không thấp hơn 8,6%/năm lãi suất cho vay các kỳ điều chỉnh tiếp theo (tháng thứ 28 đến hết thời gian khoản vay) = LS13 + 4,3% năm (trong đó LS 13 là lãi suất tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền gửi bằng VNĐ, kỳ 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng C từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với dự nợ gốc đến hạn nhưng

chưa trả được. Phương thức trả nợ gốc và lãi là ngày 25 hàng tháng. Thời điểm vi phạm 25-7-2016. Bên vay đã trả nợ cho Ngân H2 số tiền gốc 512.999.999đồng, lãi 270.914.319đồng.

Hợp đồng tín dụng 2: Số tiền là 500.000.000đồng, giải ngân ngày 30-12-2015, thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,8%/năm kể từ thời điểm giải ngân , kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần vào mỗi đầu quý, lãi suất tại kỳ điều chỉnh LS12+35% năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của P công bố từng thời kỳ, trong đó LS 12 là lãi suất tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhan có loại tiền bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng theo biểu lãi suất huy động của P công bố từng thời kỳ. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với dự nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Phương thức trả nợ gốc vào ngày 30-6-2016 hoặc trả nợ trước hạn khi có nguồn thu, kỳ trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng. Thời điểm vi phạm 01-7-2016. Bên vay đã thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng như sau: Nợ gốc 500.000.000đồng, lãi 511.228.670 đồng.

Tài sản bảo đảm cho 2 hợp đồng trên là quyền sử dụng đất và quyền sử hữu nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV616501 do UBND huyện G cấp ngày 07-4-2015 mang tên ông Tô Văn Đ bà Nguyễn Thị H1.

Xét thấy, việc ký hợp đồng giữa ngân hàng và ông Đ bà H1 đã tuân thủ đúng quy định về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu bên vay nợ khắc phục trả nợ quá hạn nhưng ông Đ bà H1 không trả được. Ngân hàng đã phát mãi tài sản bảo đảm ngày 13-6-2022 với giá 1.760.678.000đồng, số tiền này đã chi phí bán đấu giá 81.884.000đồng chi phí thẩm định tài sản 7.150.000đồng, số tiền còn lại 1.671.644.000đồng thu nợ cho Ngân hàng.

Đến ngày 02-7-2023 ông Đ bà H1 còn nợ là: Hợp đồng tín dụng 1 là 1 đồng tiền gốc, 284.524.501 đồng tiền lãi; hợp đồng tín dụng 2 là: 33.338.780 đồng. Tổng là: 317.863.282 đồng. Nay N hành đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà H1 phải trả cho Ngân hàng số tiền trên.

Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

Do bà Nguyễn Thị H1 và ông Tô Văn Đ đã ly hôn (quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 95/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14-9-2018), nên mỗi người phải chịu trách nhiệm ½ trong số tiền con nợ đối với Ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 được chấp nhận nên ông Tô Văn Đ và bà Nguyễn Thị H1 phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1.

Buộc ông Tô Văn Đ và bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền còn nợ gốc là 1.000 đồng, 284.524.501đồng tiền lãi (hợp đồng tín dụng 1), 33.338.780 đồng tiền lãi (của hợp đồng tín dụng 2). Tổng cộng là: 317.863.282 đồng. Chia theo phần ông Đ bà H1 mỗi người phải trả ngân hàng số tiền 158.931.641 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu, chín trăm ban mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi mốt đồng).

Trong trường hợp ông Đ, bà H1 không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của ông Đ, bà H1 để thu hồi nghĩa vụ còn lại của ông Đ, bà H1 trả cho Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Tô Văn Đ và Nguyễn Thị H1 mỗi người phải nộp số tiền án phí là 7.946.000 đồng (bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.940.000 đồng (bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0001536 ngày 17-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

3.Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tô Văn Đ và bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Ngọc Lễ